

Thang đo sức mạnh thị trường



03 Tháng Sáu 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Nhận định thị trường

Phiên giao dịch bùng nổ, VN30 vượt ngưỡng 1,500 điểm

Đây là phiên giao dịch được ghi nhận khối lượng và giá trị khớp lệnh cao nhất trong lịch sử, lần lượt đạt hơn 800 triệu cổ phiếu và hơn 27,000 tỷ đồng tại sàn HSX. Điều này đã giúp cho, VN-Index ghi nhận mức tăng hơn 23 điểm đóng cửa ở mốc 1,364 điểm tăng 1,75% so với phiên hôm trước. Bên cạnh đó, chỉ số VN30 cũng ghi nhận mức giá đóng cửa kỷ lục mới tại 1,504 điểm tăng hơn 25 điểm tương ứng 1,73% so với phiên hôm trước.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục đóng vai trò trụ đỡ vững chắc cho thị trường khi MBB, TCB và CTG lần lượt ghi nhận mức đóng góp 2 điểm, 1,9 điểm và 1,6 điểm ở chiều tăng điểm. Còn chiều ngược lại MSN là mã tác động 0,2 điểm lên chiều giảm điểm của VN-Index.

Đây là phiên bán ròng thứ 4 liên tiếp của khối ngoại với giá trị đạt hơn 1,060 tỷ trên cả 2 sàn HSX và HNX. Trong đó, HPG và MBB đứng đầu danh sách mã chịu áp lực bán của khối ngoại với giá trị lần lượt đạt 716 tỷ và 181 tỷ. Ở chiều ngược lại, OCB ghi nhận mức mua ròng nhẹ hơn 57 tỷ trong phiên.

Với diễn biến tăng điểm tích cực giúp cho VN-Index tiếp tục duy trì đánh giá kỹ thuật ở mức +5 điểm với trạng thái KHẢ QUAN theo thang điểm đánh giá kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset..

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	3	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	4	KHẢ QUAN
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	6	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	5	KHẢ QUAN
Dow Jones	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M	1Y (%)
VN-INDEX	1,364.28	1.75	10.08	54.83
HNX	329.95	2.45	17.11	183.24
UPCOM	90.67	1.43	12.38	60.96
MSCI EM	1,388.47	-0.17	3.70	40.53
NIKKEI	29,058.1	0.39	0.85	28.50
HANG	28,966.0	-1.13	2.15	19.08
KOSPI	3,247.4	0.72	3.84	51.25
FTSE	7,053.46	-0.77	1.20	10.51
S&P 500	4,208.12	0.14	0.37	34.75
NASDAQ	13,756.3	0.14	-1.00	42.07

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.66	2.75	14.93
SET INDEX	30.47	1.74	5.90
JCI INDEX	33.16	1.64	5.64
PCOMP	29.03	1.67	5.95

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.13	1	-5	-87
10 năm	2.24	2	-13	-78

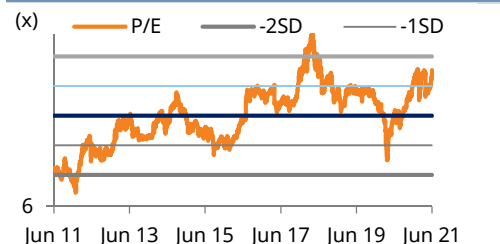
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,046	0.00	0.01	0.95
US\$/KRW	1,114	-0.04	0.91	9.27
US\$/JPY	110	-0.20	-0.65	-0.80
US\$/EUR	0.82	0.18	-1.03	-7.83
US\$/GBP	0.71	-0.04	-1.89	-11.29
US\$/SGD	1.32	-0.11	0.43	5.59

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	1,042	895	444
HNX	187	123	59
UPCOM	89	46	27

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

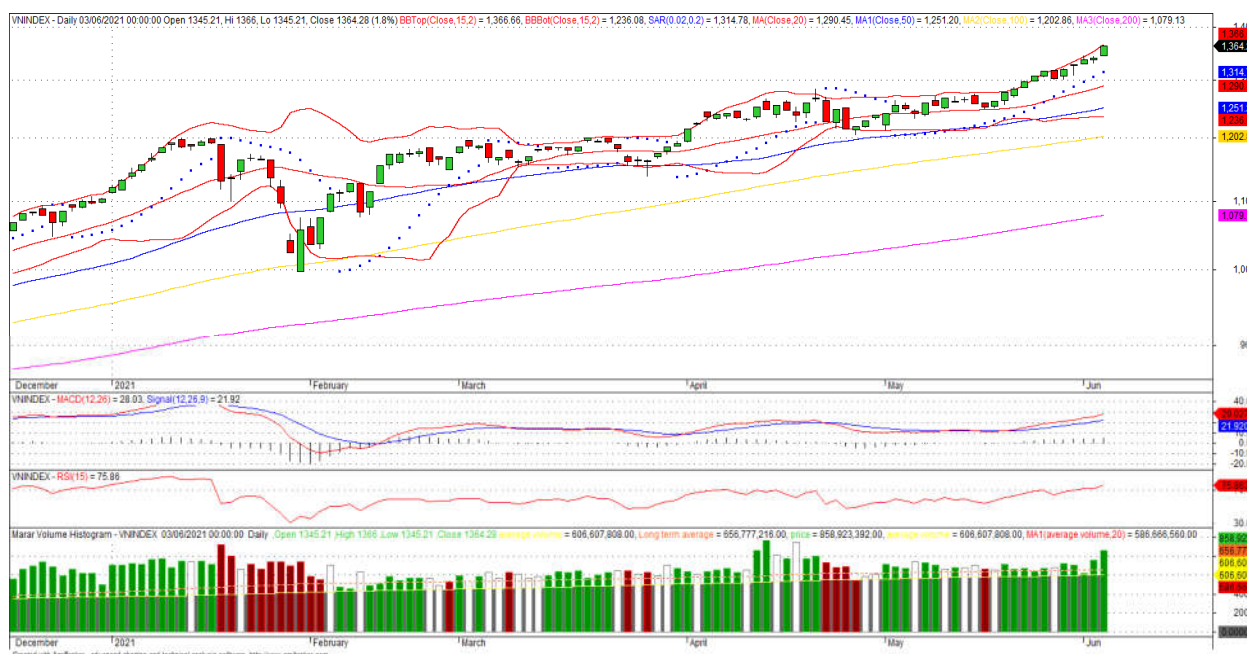
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	3	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (03/06/2021)	1.364	Kháng cự 1
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2

VN-Index ghi nhận phiên giao dịch với khối lượng bùng nổ

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

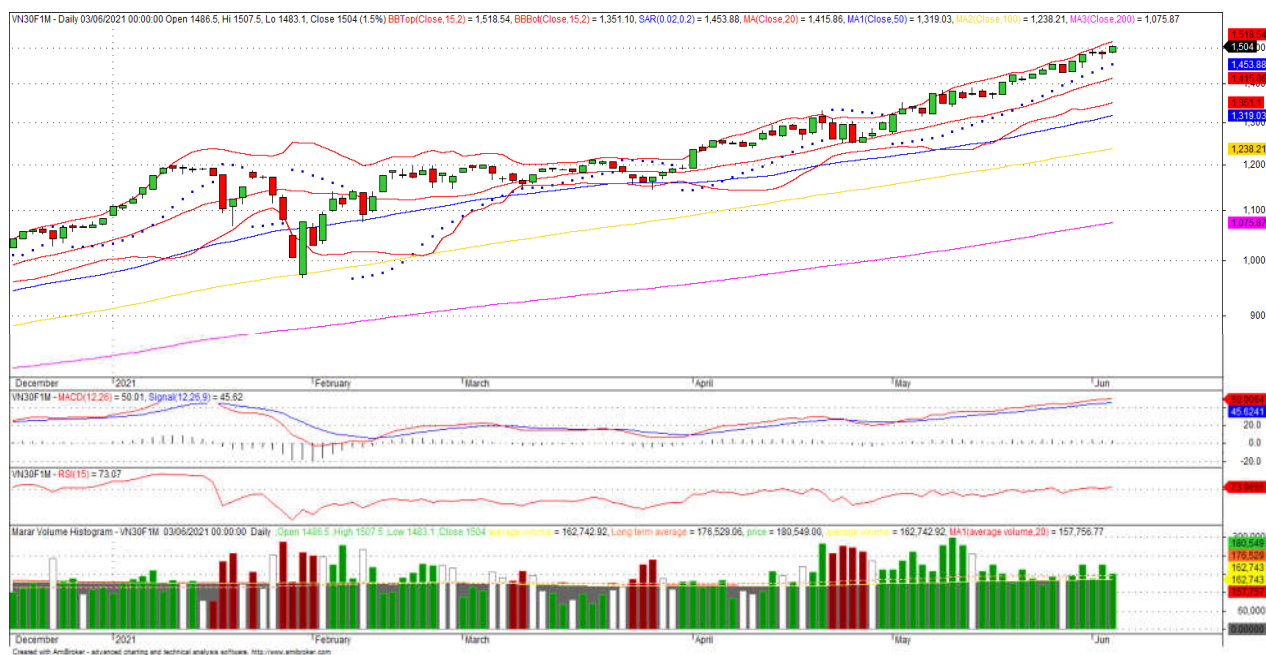
CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (01/06/2021)	1.504	Kháng cự 1 1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2 1.550
VN30 - đóng cửa	1.504	Hỗ trợ 1 1.400
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-0,37	Hỗ trợ 2 1.350

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	7	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart ngày)	5	KHẢ QUAN

VN30F1M đóng cửa trên 1,500 điểm thu hẹp khoảng cách với VN30 về mức 0,37 điểm..

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(VNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.25	4,100,865	7	KHẢ QUAN	4,822	11.6	1.0
ACB	45.9	10,479,375	7	KHẢ QUAN	99,216	11.5	2.6
AMD	5.99	7,421,720	0	TRUNG TÍNH	979	39.9	0.5
ART	12.7	7,079,930	7	KHẢ QUAN	1,231	47.1	1.1
ASM	14.85	2,578,750	7	KHẢ QUAN	3,844	8.5	0.8
BID	48.8	5,238,980	5	KHẢ QUAN	196,274	23.8	2.5
BMI	33.8	1,048,245	4	KHẢ QUAN	3,088	15.2	1.3
BSI	23.5	1,998,820	5	KHẢ QUAN	2,857	11.5	1.8
BSR	18.3	15,655,915	6	KHẢ QUAN	56,739	#N/A N/A	1.8
BVH	54.9	834,550	2	TRUNG TÍNH	40,754	21.5	2.0
BVS	31.9	1,123,055	5	KHẢ QUAN	2,303	12.2	1.2
CII	20.3	2,257,095	2	TRUNG TÍNH	4,849	364.9	1.0
CTD	62.9	544,515	5	KHẢ QUAN	4,672	18.8	0.6
CTG	53.6	18,590,290	3	TRUNG TÍNH	199,574	11.2	2.2
CTR	87.6	615,815	4	KHẢ QUAN	6,288	22.5	5.9
CTS	22.55	1,556,570	5	KHẢ QUAN	2,399	9.2	1.6
DBC	64.6	1,893,150	7	KHẢ QUAN	6,768	4.7	1.5
DCM	18.05	3,188,435	5	KHẢ QUAN	9,556	16.1	1.5
DGC	74.8	1,166,995	7	KHẢ QUAN	12,797	13.6	3.1
DGW	122	352,630	-6	TIÊU CỰC	5,392	15.9	4.2
DIG	32.15	6,037,720	4	KHẢ QUAN	11,263	14.7	2.4
DRC	28.65	1,313,620	7	KHẢ QUAN	3,403	12.0	1.9
DXG	28.9	10,503,685	5	KHẢ QUAN	14,978	#N/A N/A	2.2
EIB	32	1,121,400	4	KHẢ QUAN	39,342	44.9	2.3
FIT	13.95	6,318,720	2	TRUNG TÍNH	3,553	52.2	1.2
FLC	13.95	26,981,364	7	KHẢ QUAN	9,904	7.2	1.0
FPT	85.2	2,623,370	0	TRUNG TÍNH	77,317	20.8	4.6
GAS	88.3	803,215	7	KHẢ QUAN	169,002	22.4	3.3
GEX	22.25	4,763,335	7	KHẢ QUAN	10,863	13.3	1.9
GIL	58.8	752,240	-2	TRUNG TÍNH	2,116	5.2	1.5
GMD	40.3	3,274,515	7	KHẢ QUAN	12,146	32.3	2.0
GVR	28.5	4,602,080	4	KHẢ QUAN	114,000	26.1	2.4
HAH	27.6	1,561,120	-2	TRUNG TÍNH	1,308	7.9	1.2
HBC	15.1	4,812,265	2	TRUNG TÍNH	3,486	39.4	1.0
HCM	42	6,316,215	3	TRUNG TÍNH	12,812	17.1	2.7
HDB	35.8	7,584,095	3	TRUNG TÍNH	57,057	11.6	2.3
HDC	53.1	1,090,985	5	KHẢ QUAN	3,532	13.2	2.9
HDG	46.4	1,409,460	7	KHẢ QUAN	7,158	6.6	2.1
HNG	11.2	8,477,525	5	KHẢ QUAN	12,416	477.0	1.4
HPG	54.3	30,044,404	2	TRUNG TÍNH	242,880	13.4	3.7
HQC	3.86	14,660,715	5	KHẢ QUAN	1,840	258.1	0.4
HSG	44.5	14,349,200	5	KHẢ QUAN	19,786	8.2	2.4
HUT	7.3	4,872,325	7	KHẢ QUAN	1,961	#N/A N/A	0.7
IDC	38.9	3,098,285	4	KHẢ QUAN	11,670	37.2	3.2
IJC	32.8	5,952,110	5	KHẢ QUAN	7,121	10.7	2.1
ITA	7.67	9,716,385	7	KHẢ QUAN	7,197	34.6	0.7
KBC	33.6	5,698,365	4	KHẢ QUAN	15,784	20.5	1.5
KDC	57.5	1,274,640	5	KHẢ QUAN	13,153	42.8	2.3
KDH	39.8	4,343,025	3	TRUNG TÍNH	22,241	18.6	2.7
KLF	5.6	7,705,730	1	TRUNG TÍNH	926	#N/A N/A	0.5
LDG	7.59	4,983,665	7	KHẢ QUAN	1,817	165.0	0.6
LPB	33.85	20,979,564	5	KHẢ QUAN	36,377	16.1	2.4

LTG	36	952,870	-6	TIÊU CỰC	2,901	9.3	1.0
MBB	41.15	24,549,680	7	KHẢ QUAN	115,169	11.4	2.2
MBS	31.5	2,711,160	5	KHẢ QUAN	7,467	17.4	2.8
MSN	105	2,407,440	-5	TIÊU CỰC	123,342	82.0	7.6
MWG	139	901,280	-4	TIÊU CỰC	66,085	15.4	3.8
NKG	34.05	5,725,385	5	KHẢ QUAN	5,857	10.2	1.7
NLG	41	3,717,040	6	KHẢ QUAN	11,696	10.2	1.8
NVB	21.4	7,559,940	2	TRUNG TÍNH	8,706	802.2	2.0
NVL	141	1,952,390	2	TRUNG TÍNH	152,525	33.7	4.8
PDR	78.3	3,423,360	5	KHẢ QUAN	38,114	29.0	7.2
PET	23.8	2,334,075	7	KHẢ QUAN	1,989	12.9	1.3
PHR	53.6	802,285	4	KHẢ QUAN	7,263	7.6	2.3
PLX	55.4	3,012,765	2	TRUNG TÍNH	68,907	19.0	2.9
PNJ	101.2	449,260	2	TRUNG TÍNH	23,009	20.3	4.0
POW	12.7	11,843,070	7	KHẢ QUAN	29,742	12.2	1.0
PVD	22.7	6,725,490	5	KHẢ QUAN	9,560	147.7	0.7
PVS	27	11,982,560	4	KHẢ QUAN	12,905	19.6	1.1
PVT	18.75	3,650,010	5	KHẢ QUAN	6,068	8.2	1.2
REE	57.8	726,630	-4	TIÊU CỰC	17,863	10.0	1.5
ROS	7.24	25,962,200	-1	TRUNG TÍNH	4,109	225.9	0.7
SBS	13.6	2,784,010	7	KHẢ QUAN	1,723	1,499.4	8.3
SBT	21.2	2,599,180	7	KHẢ QUAN	13,084	18.7	1.7
SCR	9.17	5,376,995	6	KHẢ QUAN	3,359	19.0	0.7
SHB	32.4	28,305,456	5	KHẢ QUAN	62,388	18.7	2.4
SHI	28.25	2,311,275	-4	TIÊU CỰC	2,574	33.9	2.3
SHS	41.3	10,201,245	5	KHẢ QUAN	8,560	8.7	2.3
SMC	38	966,015	-6	TIÊU CỰC	2,315	4.6	1.3
SSI	48.9	15,746,135	5	KHẢ QUAN	31,583	17.6	2.8
STB	32.75	45,046,220	0	TRUNG TÍNH	59,070	21.9	2.0
TCB	54.8	17,603,716	3	TRUNG TÍNH	192,069	13.5	2.4
TCH	22.35	5,415,175	-6	TIÊU CỰC	8,704	8.7	1.5
TLH	17.1	3,263,170	-6	TIÊU CỰC	1,721	22.6	1.1
TPB	38.25	7,306,305	3	TRUNG TÍNH	40,991	10.0	2.2
TSC	16.55	6,908,510	-2	TRUNG TÍNH	2,444	168.9	1.5
VCB	106.7	2,208,920	7	KHẢ QUAN	395,737	18.7	3.9
VCI	84	2,297,850	5	KHẢ QUAN	13,986	14.7	2.8
VG	18.9	2,132,560	6	KHẢ QUAN	9,450	33.2	1.5
VHC	40.35	1,072,915	3	TRUNG TÍNH	7,342	10.5	1.4
VHM	105.4	4,031,955	6	KHẢ QUAN	346,715	13.4	3.8
VIB	74	1,272,145	5	KHẢ QUAN	82,095	15.7	4.2
VIC	118.5	1,962,060	-2	TRUNG TÍNH	400,818	54.5	5.0
VIX	32.3	5,810,565	7	KHẢ QUAN	4,125	6.1	2.0
VJC	106.9	470,965	-6	TIÊU CỰC	57,898	47.4	3.8
VND	61.2	4,980,135	7	KHẢ QUAN	13,128	11.3	2.9
VNM	90.2	3,888,305	6	KHẢ QUAN	188,514	19.3	6.0
VPB	70.6	36,976,116	1	TRUNG TÍNH	173,305	15.3	3.1
VPI	34.05	1,114,125	2	TRUNG TÍNH	6,810	22.3	2.5
VRE	30.5	6,314,790	2	TRUNG TÍNH	69,306	26.0	2.3

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Nhà đầu tư chờ thêm số liệu kinh tế, Phố Wall tăng nhẹ

Lĩnh vực năng lượng thuộc S&P500, nhóm đang diễn biến tốt nhất năm nay, tiếp tục đà tăng, thêm 1,7%, nhờ giá dầu đi lên. Lĩnh vực vật liệu giảm 0,9%. Trong khi đó, cổ phiếu Tesla mất giá 3% khiến S&P 500 và Nasdaq bị kéo tụt lại. Số liệu thất nghiệp hàng tuần và bảng lương tư nhân tháng 5 dự kiến được công bố ngày 3/6, tiếp đó là số liệu việc làm hàng tháng vào ngày 4/6. Nhà đầu tư sẽ tìm kiếm các dấu hiệu kinh tế phục hồi và lạm phát tăng. “Chúng tôi đang chờ báo cáo việc làm ngày 4/6 với kỳ vọng sẽ cải thiện đáng kể so với tháng 4”, Paul Nolte, nhà quản lý danh mục đầu tư tại Kingsview Investment Management, Chicago, bang Illinois, nói. “Sau đợt tăng nhanh nhất, vào thị trường giá lên, chúng tôi nhận thấy các kỳ vọng đã được điều chỉnh, do đó, khó khiến thị trường bất ngờ hơn”, theo Keith Lerner, giám đốc chiến lược thị trường tại Truist Advisory Services, Atlanta, bang Georgia. “Sau đợt tăng lớn trong 6 – 7 tuần qua, thị trường đang trong biên độ hẹp và củng cố lại”

6,2 tỷ USD vốn FDI đầu tư vào khu công nghiệp, khu kinh tế trong 5 tháng

Thông tin từ Bộ Kế hoạch & Đầu tư, 5 tháng đầu năm, khu công nghiệp, khu kinh tế thu hút được 291 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn đăng ký mới và tăng thêm đạt khoảng 6,02 tỷ USD, tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm ngoái. Đồng thời, số dự án đăng ký cấp mới và điều chỉnh từ nguồn vốn trong nước là 271 dự án trị giá 53.200 tỷ đồng. Lũy kế đến tháng 5, khu công nghiệp, khu kinh tế trên cả nước có 10.853 dự án sản xuất kinh doanh còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký đạt khoảng 228,4 tỷ USD, trong đó, vốn đầu tư thực hiện đạt gần 70%. Con số tương tự với dòng vốn đầu tư trong nước là 10.186 dự án với tổng vốn đăng ký đạt khoảng 2,53 triệu tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư thực hiện đạt hơn 45%. Cũng theo Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Việt Nam có thêm 38 dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp mới, mở rộng và phân khu đã được Thủ tướng chấp thuận chủ trương đầu tư trong 5 tháng. Trong đó, 25 khu công nghiệp được thành lập mới, nhiều hơn 19 khu công nghiệp so với cùng kỳ năm ngoái, nâng tổng số khu công nghiệp trên cả nước lên 394. Trong số đó, 351 khu công nghiệp nằm ngoài khu kinh tế, 35 KCN nằm trong khu kinh tế ven biển, 8 khu công nghiệp nằm trong khu kinh tế cửa khẩu) với tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 121.900 ha. Trong đó, diện tích đất công nghiệp đạt khoảng 80.900 ha, chiếm khoảng hơn 66% diện tích đất tự nhiên

VBB: chốt quyền trả cổ tức tỷ lệ 14%

HĐQT VietBank ([UPCoM: VBB](#)) thông qua 11/6 là ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019, tỷ lệ 14%. Ngân hàng dự kiến phát hành hơn 58,6 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019, tương ứng tỷ lệ 14%. Nguồn vốn lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2017-2019 sau khi trích lập các quỹ. Sau khi phát hành thành công, vốn điều lệ của VietBank sẽ tăng lên gần 4.800 tỷ đồng. Chốt phiên giao dịch 2/6, giá cổ phiếu VBB đứng ở mức 23.500 đồng/cp, tăng 94% từ đầu năm.

MBB: được chấp thuận tăng vốn thêm gần 10.000 tỷ đồng

Ngân hàng Nhà nước vừa có văn bản chấp thuận việc tăng vốn của Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB, mã chứng khoán MBB - HoSE). Theo đó, NHNN chấp thuận cho MB được tăng vốn điều lệ lần 1 theo đề xuất của ngân hàng, thêm tối đa hơn 9.795 tỷ đồng theo phương án đã được đại hội cổ đông thông qua. Theo kế hoạch đã được đại hội cổ đông thường niên 2021 của MB thông qua, với nguồn lợi nhuận để lại của năm 2020 và các năm trước, MB sẽ trích ra 9.795 tỷ đồng để chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 35% bằng cổ phiếu. Ông Lưu Trung Thái, Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc MB cho biết, ngân hàng đang hoàn tất các thủ tục và sẽ thực hiện chi trả cổ tức trong quý 3.

LIX: chốt quyền chia cổ tức đợt cuối năm 2020 tỷ lệ 10%

Công ty Bột giặt LIX (Lixco, [HoSE: LIX](#)) thông báo ngày 17/6 chốt quyền chia cổ tức đợt cuối năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 10%, 1 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng. Ngày thanh toán là 30/6 với số tiền dự chi 32,4 tỷ đồng. Năm 2020, bất chấp diễn biến dịch bệnh, Lixco ghi nhận lợi nhuận đạt 230 tỷ đồng, tăng 28% nhờ nghiên cứu thành công dòng sản phẩm On1, đặc biệt là sản phẩm gel rửa tay khô On1. Theo đó, doanh nghiệp chốt phương án chia cổ tức năm 2020 tỷ lệ 40% bằng tiền, tương đương với mức thanh toán 129,6 tỷ đồng, đã tạm ứng 30% vào cuối năm 2020. Năm 2021, nhận định sản lượng kinh doanh sản phẩm gel rửa tay khô sẽ giảm so với năm trước, Lixco đặt kế hoạch doanh thu giảm 8,6% về 2.652 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế giảm 23% xuống 225 tỷ đồng. Quý I, Lixco báo cáo doanh thu giảm 20,5% xuống 699 tỷ đồng, lãi sau thuế giảm 31% xuống 44 tỷ đồng.

MPC: trình chia cổ tức 2020 tỷ lệ 20%, lên kế hoạch lãi hơn 1.092 tỷ đồng năm 2021

Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT Tập đoàn Minh Phú ([UPCoM: MPC](#)) dự kiến trình cổ đông kế hoạch doanh thu 15.774 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 1.092 tỷ đồng; lần lượt tăng 10% và 61,7% so với năm trước. Quý I, doanh nghiệp tóm báo cáo doanh thu tương đương cùng kỳ năm trước đạt 2.810 tỷ đồng, lãi sau thuế giảm hơn một nửa xuống 27 tỷ đồng. Năm trước, Minh Phú cũng lên kế hoạch lợi nhuận cao 915 tỷ đồng nhưng không hoàn thành khi đạt 674 tỷ đồng, tăng 52% so với năm 2019. HĐQT cho biết nguyên nhân là do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp khiến các thị trường xuất khẩu bị ảnh hưởng. Mặt khác, Minh Phú gặp khó khăn khi xuất sản phẩm sang Mỹ (thị trường lớn chiếm 25,3% doanh thu) do cáo buộc lẩn tránh thuế chống phá giá tôm. Cùng với đó, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng khoản chi phí ngoài cao khi xuất hàng vào Mỹ

TVT: chia cổ tức tiền mặt 17%

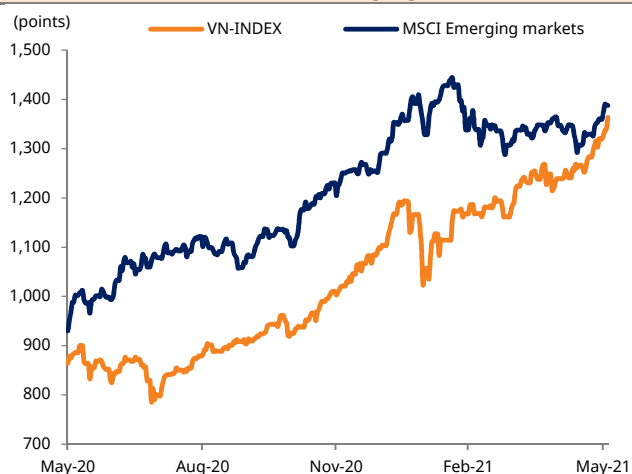
Tổng công ty Việt Thắng ([HoSE: TVT](#)) thông báo chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt 17% (1 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng). Với 21 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi trong đợt này là gần 36 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng vào 15/6 và thời gian thanh toán dự kiến 15/7. Năm

ngoái, Việt Thắng ghi nhận doanh thu giảm gần 14% về 1.862 tỷ đồng (lần đầu dưới 2.000 tỷ đồng từ 2015 đến nay). Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ giảm gần 16% xuống 72 tỷ đồng., mức thấp nhất từ 2016 đến nay. Sang năm 2021, tổng công ty đặt mục tiêu sản lượng sợi giảm 10% còn 13.500 tấn và sản lượng dệt giảm 3% về 61 triệu m³. Tuy nhiên, chỉ tiêu tổng doanh thu lại tăng 5% lên 1.707 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đi ngang ở 85 tỷ đồng. Chính sách cổ tức dự kiến ở mức 25%/vốn điều lệ.

Bản tin thị trường

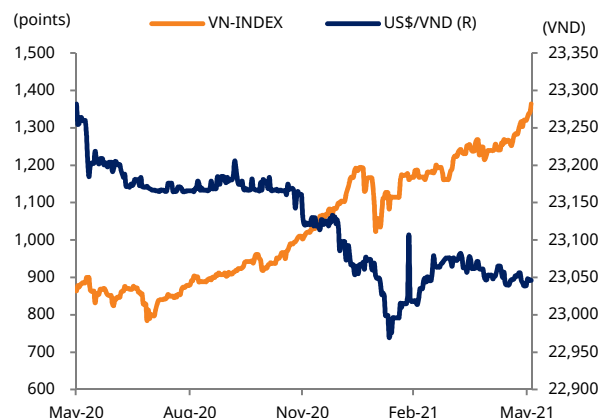
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



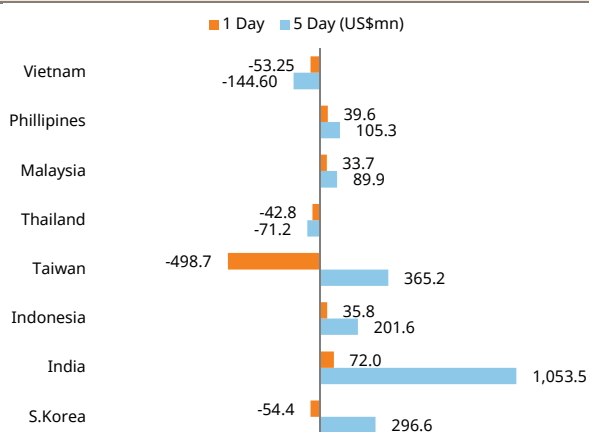
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



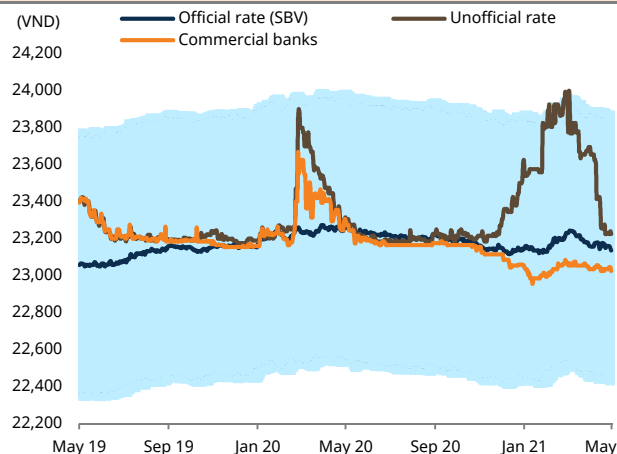
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



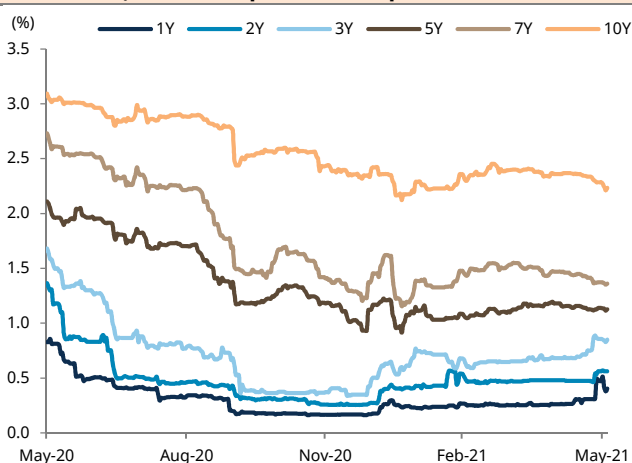
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



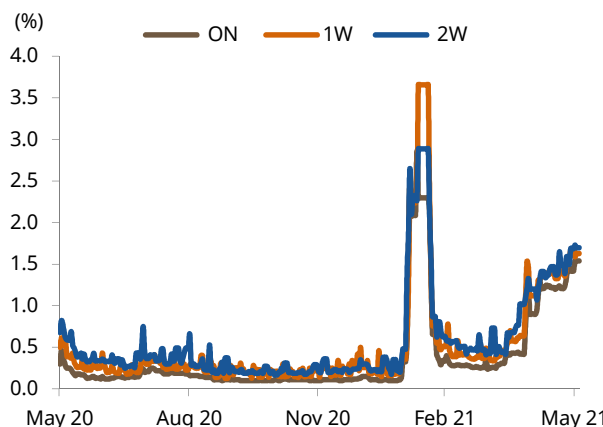
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,504.37	3,562,571		1.7	4.7	14.6	82.5	15.4	12.6	2.8	2.4	9.7	21.5	22.2	21.1
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	48,800	196,274	16.7	3.0	7.5	19.0	19.0	21.4	15.2	2.3	2.1	57.5	40.5	12.8	15.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	54,900	40,754	27.4	2.4	-2.1	-4.2	10.0	23.7	21.1	1.9	1.8	11.6	12.3	8.3	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	53,600	199,574	25.3	3.1	6.8	31.4	123.3	12.1	10.8	2.0	1.7	20.3	12.1	19.0	19.1
CTCP FPT	FPT VN	85,200	77,317	49.0	-0.4	4.5	21.1	101.4	19.8	16.2	4.2	3.8	20.2	21.8	25.6	26.4
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	88,300	169,002	2.4	1.0	10.2	5.7	13.2	16.8	15.6	3.2	3.0	30.3	7.6	20.2	20.3
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	35,800	57,057	17.4	5.3	11.9	31.4	107.3	10.0	8.4	2.0	1.6	33.6	19.6	21.9	21.7
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	54,300	242,880	28.8	0.6	9.7	26.2	226.4	11.1	9.0	3.3	2.5	71.9	23.4	36.5	31.6
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	39,800	22,241	30.7	0.8	2.1	13.2	80.1	18.6	13.8	2.5	2.1	3.8	35.1	14.5	17.1
NHTMCP Quân đội	MBB VN	41,150	115,169	22.7	6.9	12.7	35.6	164.6	10.7	9.1	2.0	1.7	30.0	17.2	20.9	20.5
Tập đoàn Masan	MSN VN	105,000	123,342	32.9	-0.7	-4.5	7.1	64.1	46.1	26.4	6.0	4.8	116.2	74.4	12.5	17.8
CTCP Thế giới di động	MWG VN	139,000	66,085	49.0	0.1	-2.4	-1.3	62.8	13.3	10.7	3.3	2.8	20.4	24.7	27.3	27.3
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	141,000	152,525	7.8	1.1	3.7	7.3	162.6	36.2	26.7	4.5	3.7	-2.0	35.6	15.9	14.8
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	78,300	38,114	2.8	1.6	1.0	11.5	295.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	55,400	68,907	16.3	0.4	2.8	10.1	18.6	20.4	16.9	2.9	2.8	295.9	20.5	16.4	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	101,200	23,009	49.0	0.7	-0.4	3.3	59.6	17.5	13.9	3.7	3.0	33.9	26.7	24.9	23.3
TCT Điện Lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,700	29,742	3.2	6.7	9.0	3.3	19.8	14.2	11.6	1.0	0.9	-10.2	21.9	7.4	8.3
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	57,800	17,863	49.0	3.2	-2.4	7.8	82.3	9.8	8.3	1.3	1.5	12.1	19.0	14.8	12.9
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	21,200	13,084	8.5	6.5	11.0	6.0	41.8	18.2	NA	1.6	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	48,900	31,583	46.3	6.3	23.5	50.0	221.7	21.8	20.4	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	32,750	59,070	11.8	1.7	9.9	37.0	207.5	28.1	19.2	1.9	1.8	-6.8	46.3	8.8	11.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	54,800	192,069	22.5	3.8	6.6	33.7	156.7	11.8	10.1	2.1	1.8	31.8	17.4	19.8	19.2
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,350	8,704	10.7	0.7	1.1	3.0	3.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	38,250	40,991	29.8	2.8	9.0	39.6	112.9	8.9	7.6	1.9	1.5	25.9	17.9	23.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	106,700	395,737	23.3	0.7	8.1	6.7	21.4	18.2	14.9	3.3	2.8	31.4	22.3	21.0	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	105,400	346,715	22.6	1.0	1.0	6.1	35.3	11.2	9.7	3.0	2.4	13.4	14.7	30.9	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	118,500	400,818	14.3	0.9	-1.5	-9.5	22.4	59.2	45.0	4.3	3.9	18.4	31.7	7.6	9.5
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	106,900	57,898	18.6	0.3	-5.4	-14.4	-6.1	116.4	20.9	3.4	2.7	600.8	456.6	3.2	18.0
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	90,200	188,514	54.9	0.9	-0.3	-3.5	-7.2	18.5	17.4	5.7	5.3	2.0	6.8	34.1	34.7
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	70,600	173,305	15.4	0.6	4.9	20.7	190.5	12.5	11.0	2.3	1.9	32.5	13.4	21.6	18.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	30,500	69,306	29.8	1.3	-0.8	-4.7	8.5	24.3	19.2	2.2	2.0	19.9	26.2	9.3	10.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	23.50	5,025,616	1.8	4.7	10.1	54.8	16.8	13.7	2.7	2.4	10.9	22.6	19.2	19.0
Ô tô và phụ tùng	0.05	8,466	2.1	3.4	4.1	41.8	5.9	5.5	1.2	1.1	34.7	8.4	12.1	11.5
Ngân hàng	13.06	1,805,443	2.8	6.9	25.7	80.5	15.1	12.0	2.4	2.0	30.1	22.3	18.8	18.8
Xây dựng cơ bản	1.17	175,027	2.6	2.4	4.7	82.3	6.3	5.0	0.4	0.4	9.6	25.9	5.7	6.0
Dịch vụ thương mại	0.00	4,522	0.0	-1.8	1.0	23.5	7.5	5.9	NA	NA	18.8	27.9	10.4	12.5
May mặc và trang sức	0.19	44,446	1.7	1.3	2.6	126.3	13.0	10.5	2.6	2.1	39.9	20.7	19.4	17.2
Dịch vụ tiêu dùng	0.05	7,905	2.0	0.0	-9.0	12.8	NA	8.3	NA	NA	NA	NA	-7.0	4.9
Dịch vụ tài chính	1.17	82,817	5.6	14.9	41.8	192.7	11.5	7.8	0.4	NA	16.1	7.1	7.5	4.9
Năng lượng	0.10	87,506	0.4	2.4	11.1	31.4	22.0	16.1	2.5	2.3	NA	35.9	14.0	14.4
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	1.23	509,944	0.9	-2.2	-0.2	15.9	23.7	16.9	4.5	4.0	41.7	28.4	21.2	22.4
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.01	922	4.7	3.9	3.9	43.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,882	0.0	0.7	0.7	7.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.26	48,225	2.1	-0.4	-1.8	13.3	21.0	18.6	1.7	1.6	12.0	13.4	7.6	8.4
Nguyên vật liệu	1.67	495,249	1.4	4.5	18.7	164.1	13.4	12.2	2.2	1.2	66.1	-0.7	22.7	19.3
Giải trí và truyền thông	0.01	1,508	1.9	-3.3	-18.6	-27.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.03	35,629	3.6	2.8	4.0	82.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	3.40	1,211,920	0.3	0.7	3.1	25.2	8.9	7.6	1.1	1.0	9.2	15.2	9.1	9.6
Bán lẻ	0.06	74,594	1.1	0.8	0.4	61.8	29.4	22.6	3.1	2.6	16.6	23.9	14.9	14.6
Phần mềm và dịch vụ	-0.07	81,618	0.3	-2.6	-1.3	60.5	12.4	9.9	3.0	2.5	30.7	25.0	24.5	24.6
Thiết bị và phần cứng	-0.02	5,392	-0.3	3.0	20.2	98.3	18.6	15.3	4.0	3.6	26.6	19.1	24.1	24.8
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,265	-1.2	-3.9	9.4	336.5	13.3	11.0	3.5	2.8	48.0	20.3	27.0	27.6
Vận tải	-0.01	154,552	0.6	3.0	7.5	302.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	1.15	255,270	0.1	-1.2	-6.3	17.3	46.6	10.1	27.1	1.2	NA	NA	-55.6	-37.4

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
MBB VN	41,150	6.9	29,087,000	2.0
TCB VN	54,800	3.8	23,735,700	1.9
CTG VN	53,600	3.1	17,478,700	1.6
BID VN	48,800	3.0	6,715,400	1.5
VIC VN	118,500	0.9	2,488,900	0.9
VHM VN	105,400	1.0	5,044,900	0.9
HDB VN	35,800	5.3	8,524,500	0.8
ACB VN	45,900	2.9	12,265,700	0.8
GVR VN	28,500	2.3	6,501,800	0.7
VCB VN	106,700	0.7	2,802,000	0.7

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	105,000	-0.7	2,624,700	-0.2
LGC VN	54,300	-5.9	3,200	-0.2
HVN VN	27,000	-1.5	1,146,200	-0.2
FPT VN	85,200	-0.4	3,190,800	-0.1
APH VN	62,400	-1.9	1,056,000	-0.1
FIT VN	13,950	-5.1	13,306,100	-0.1
BMI VN	33,800	-5.6	783,200	0.0
SHP VN	21,000	-4.8	7,200	0.0
TSC VN	16,550	-3.8	6,214,100	0.0
DGW VN	122,000	-1.2	278,000	0.0

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.